|  |  |
| --- | --- |
| CÔNG AN TỈNH HÀ NAM  **CÔNG AN HUYỆN BÌNH LỤC**  **Số: /BC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Bình Lục*, ngày 29 tháng 4 năm 2020 |

**BÁO CÁO**

**Về việc cung cấp số liệu phục vụ xây dựng Luật, phòng, chống ma túy**

***(Tính từ năm 2015 đến 2019)***

**Kính gửi:** Phòng PC04 Công an tỉnh Hà Nam

Thực hiện công văn số 78/PC04 ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Công an tỉnh Hà Nam về việc cung cấp số liệu phục vụ xây dựng Luật, phòng, chống ma túy (sửa đổi). Công an huyện Bình Lục xin báo cáo như sau:

1. **Số liệu liên quan đến công tác cai nghiện ma túy**
2. Thống kê chi tiết số liệu

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số người nghiện có hồ sơ quản lý | Tổng số người nghiện cai nghiện bắt buộc tại CSCN | Tổng số người nghiện cai nghiện trong nhà tạm giữ, trại tạm giam | Tổng số người nghiện quản lý sau cai tại CSCN | Tổng số người nghiện quản lý sau cai tại nơi cư trú | Tổng số người nghiện cai nghiện tại gia đình | Tổng số người nghiện tự nguyện cai nghiện tại các CSCN | Tổng số người nghiện cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng | Tổng số người nghiện cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng | Tổng số người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi | Tổng số người nghiện từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi |
| 2015 | 45 | 0 | 21 | 0 | 0 | 14 | 0 | 0 | 10 | 0 | 0 |
| 2016 | 75 | 0 | 23 | 0 | 0 | 32 | 0 | 10 | 10 | 0 | 0 |
| 2017 | 78 | 7 | 26 | 0 | 0 | 10 | 0 | 5 | 30 | 0 | 0 |
| 2018 | 78 | 7 | 26 | 0 | 0 | 10 | 0 | 0 | 35 | 0 | 0 |
| 2019 | 75 | 4 | 2 | 0 | 0 | 20 | 0 | 34 | 15 | 0 | 0 |

1. Đề xuất, xử lý đối với người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi: Đưa vào cai nghiện tại trại giáo dưỡng, trường giáo dưỡng.
2. **Số liệu liên quan đến kinh phí phục vụ công tác phòng, chống tội phạm về ma túy; tài sản, phương tiện thu được trong các vụ án về ma túy**
3. Kinh phí hàng năm để thực hiện công tác phòng, chống tội phạm về ma túy:

Năm 2015: 110.000.000đ

Năm 2016: 80.000.000đ

Năm 2017: 130.000.000đ

Năm 2018: 105.000.000đ

Năm 2019: 125.000.000đ

Trung bình năm: 110.000.000đ/năm

1. Phương tiện ô tô, xe máy phục vụ cho công tác phòng, chống tội phạm về ma túy: 02 xe máy BKS 90B1 – 00.046; BKS 90B1 – 00.011
2. Tài sản bao gồm: Tiền, vàng, ngoại tệ, phương tiện ô tô, xe máy thu giữ trong các vụ án về ma túy:30 điện thoại di động;20 xe máy; tiền mặt: 23.600.000đ

Trên đây là báo cáo về việc cung cấp số liệu phục vụ xây dựng Luật, phòng, chống ma túy (sửa đổi). Vậy Công an huyện Bình Lục báo cáo Phòng PC04 Công an tỉnh Hà Nam rõ./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Như kính gửi  - Lưu | **KT. TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN**  **PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN HUYỆN**  **Trung tá Cao Trọng Nghĩa** |